

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T ;

Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn T , xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Hộ khẩu thường trú: T Đ , xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N

Sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Thôn Đ , xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 04 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 04 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N đều tự nguyện, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Bình M sinh ngày 11/9/2012 cho đến khi thành niên. Chị Phạm Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu Phạm Bình M đủ 18 tuổi.

- Chị Phạm Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản*: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Nợ chung*: Không có.

-*Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5; Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N tự nguyện thỏa thuận: Chị Phạm Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002861 ngày 24/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

